

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 14- AN GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 28/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 27-8-2025
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm Phán- Chủ tọa phiên toà: Bà Lưu Thị Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Thanh Phong

2. Bà Trần Thị Ngọc Phượng

- Thư ký phiên toà: Bà Đặng Thị Thuý Duy là Thư ký Toà án nhân dân khu vực 14 - An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14- An Giang: Bà Trần Ngọc Minh Thư, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 14- An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 178/2025/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2025, về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên toà số 148 ngày 12 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Phạm Tú Q, sinh năm 2006 (xin xét xử vắng mặt); địa chỉ: Ấp X, xã V, tỉnh Cà Mau; địa chỉ liên lạc: Đ, ấp T, xã T, tỉnh An Giang, số định danh 095306006644.

2. Bị đơn: Nguyễn Thanh S, sinh năm 1990 (vắng mặt); địa chỉ: Cầu S, ấp T, xã C, tỉnh An Giang, số định danh 089090009308.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn ly hôn 18/4/2025 quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Phạm Tú Q trình bày:

Hôn nhân giữa bà Q và ông S có thời gian quen biết, tự nguyện tìm hiểu nhau trước được khoảng 01 năm, đến năm 2021 tổ chức lễ cưới về chung sống nhưng đến tháng 09 năm 2024 mới tiến hành đăng ký kết hôn. Sau cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 12 năm 2024 vợ chồng mâu thuẫn do

không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau nên đôi bên đã ly thân đến nay hơn 06 tháng. Nay tình cảm không còn bà Q yêu cầu ly hôn với ông S.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Thành P, sinh năm 23/4/2022. Hiện tại ông S đang nuôi dưỡng, bà Q đồng ý giao con chung cho ông S nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Thanh S vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, không có văn bản trình bày ý kiến và không cung cấp tài liệu, chứng cứ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 - An Giang phát biểu quan điểm:

Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã tuân thủ và chấp hành đúng trình tự quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành và thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng Dân sự, bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của bị đơn quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Bà Q và ông S quen biết tự tìm hiểu tổ chức lễ cưới về chung sống có thực hiện đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Quá trình chung sống mâu thuẫn kéo dài nhiều năm, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung thường xuyên cãi nhau, các bên đã có thời gian ly thân. Bà Q không còn tình cảm kiên quyết ly hôn, ông S vắng mặt suốt quá trình giải quyết vụ án, cho thấy mâu thuẫn đôi bên đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Thành P, sinh năm 23/4/2022 hiện ông S đang nuôi dưỡng, bà Q yêu cầu giao con chung cho ông S nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con, xét yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ đề nghị chấp nhận.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngày 18 tháng 4 năm 2025 bà Phạm Tú Q có đơn yêu cầu ly hôn, giải quyết về con chung với ông Nguyễn Thanh S, ông S cư trú tại ấp T, xã C, tỉnh An Giang. Đây là quan hệ pháp luật “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 14 - An Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa xét xử lần thứ nhất vào ngày 12/8/2025 bị đơn vắng mặt Tòa án đã hoãn phiên tòa theo Quyết định hoãn phiên tòa số 148/2025/QĐST-HNGĐ ngày 12/8/2025 và tổng đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định, nhưng tại phiên tòa hôm nay bị đơn tiếp tục vắng mặt không lý do, riêng nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về nội dung: Hôn nhân giữa bà Q và ông S có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T vào năm 2024 là quan hệ hôn nhân có giá trị pháp lý. Quá trình chung sống, thời gian đầu hạnh phúc, đến năm 2024 phát sinh mâu thuẫn, bà Q và ông S đã có thời gian ly thân được hơn 06 tháng.

Hội đồng xét xử nhận thấy, hôn nhân giữa bà Q và ông S được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên được pháp luật thừa nhận, bảo vệ. Do mâu thuẫn trong đời sống vợ chồng không thể hàn gắn được, bà Q yêu cầu ly hôn, ông S vắng mặt suốt quá trình tố tụng không tạo điều kiện để hoà giải hàn gắn tình cảm về chung sống lại với bà Q và 02 bên đã có khoảng thời gian ly thân. Do bà Q không còn tình cảm nên không chủ động về chung sống với ông S, riêng ông S cố tình tránh né, không gặp mặt liên lạc với bà Q tìm cách hàn gắn tình cảm mà lại bỏ mặc nhau tự sống, không còn sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Điều đó cho thấy, mối quan hệ hôn nhân giữa bà Q và ông S đã rơi vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Q là có căn cứ.

[3] Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Thành P, sinh năm 23/4/2022 hiện ông S đang nuôi dưỡng, bà Q yêu cầu giao con chung cho ông S nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con, xét thấy bà Q không có yêu cầu nuôi dưỡng con chung, con chung từ nhỏ đến giờ vẫn do ông S chăm sóc, nuôi dưỡng mặc dù không ghi nhận được ý kiến của ông S về việc nuôi dưỡng con chung và yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con nhưng để **tránh làm xáo trộn tâm lý và sự phát triển về thể chất tinh thần của con chung và việc giao con chung cho ông S nuôi dưỡng là phù hợp với điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn giao con chung cho ông S được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là phù hợp, bà Q không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền thăm con chung mà không ai được cản trở.**

Về tài sản chung và nợ chung: Không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Bà Phạm Tú Q phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo mức án phí không có giá ngạch.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của Phạm Tú Q. Bà Phạm Tú Q được ly hôn với ông Nguyễn Thanh S.

Giấy chứng nhận kết hôn số 57 ngày 20/9/2024 của Ủy ban nhân dân xã T (nay là xã C), tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

Về con chung: Ông Nguyễn Thanh S được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Nguyễn Thành P, sinh năm 23/4/2022. Bà Phạm Tú Q không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà Q có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con chung được sống chung với ông S, tôn trọng quyền được trực tiếp nuôi con chung của ông S.

Bà Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, ông S cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở bà Q trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Trường hợp bà Q lạm dụng việc thăm nom để cản trở, hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì ông S có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con trên cơ sở vì lợi ích của con chung.

Về án phí sơ thẩm:

Bà Phạm Tú Q phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0013095 ngày 13-5-2025 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Tri Tôn. Bà Phạm Tú Q đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Trường hợp vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 14 - An Giang;
- THADS tỉnh An Giang;
- UBND xã Cô Tô;
- Đương sự;
- Lưu VP; hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Thị Hùng

